

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/DS-ST
Ngày 29-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Hồng Vũ;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng;

2. Ông Phan Đình Xiềng;

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 714/2021/QĐST-DS ngày 02/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Địa chỉ: 25 B, đường N, Phường B, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thủy T. Chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng cá nhân Ngân hàng Thương mại cổ phần P – Chi nhánh Gia Lai. Địa chỉ: 01 P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Gia Lai (Theo Văn bản ủy quyền số 289/2021/UQ-H-TPXLN ngày 12 tháng 5 năm 2021). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị Th.

Địa chỉ: Thôn B, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đinh Thị Thủy T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0404/17/HĐTDHM-CN/170 ngày 22/5/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần P (Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn trồng trọt và chăn nuôi. Các bên thỏa thuận áp dụng lãi suất cho vay trong hạn là 12%/năm, phương thức trả lãi 06 tháng/lần, vào ngày 20 của tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 21/5/2020.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của hợp đồng tín dụng, Ngân hàng và ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0404/17/HĐBĐ-170 ngày 22/5/2017. Theo đó, ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản, bao gồm:

Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 35 thuộc tờ bản đồ số 26 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện Ia G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 042829 ngày 09/7/2010 cho ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th không trả lãi và nợ gốc đúng hạn cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 16.132.395 đồng; nợ lãi quá hạn là đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th trả hết nợ cho ngân hàng. Trường hợp ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Ý kiến của bị đơn: ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời khai và yêu cầu.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do nên bị đơn chưa tuân thủ các quy định

tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc khi đến hạn cho nguyên đơn. Bị đơn không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tại điểm a, khoản 1, Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 0404/17/HĐTDHM-CN/170 ngày 22/5/2017, giữa bên cho vay và bên vay có thỏa thuận như sau: H có quyền ngừng giải ngân, chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp: “*Bên được cấp tín dụng/bên bảo đảm (nếu có) vi phạm điều khoản HĐTDHM, KUNN hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào khác*”. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay là phù hợp với nội dung thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, có căn cứ quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện do phát sinh tranh chấp với bị đơn trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nên thuộc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi giao kết hợp đồng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn B, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn là ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp như: Hợp đồng tín dụng số 0404/17/HĐTDHM-CN/170 ngày 22/5/2017; “*Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số: 0404/17/HĐTDHM-CN/170/KUNN04*”, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th được Ngân hàng Thương mại cổ phần P cấp tín dụng cho vay số tiền 150.000.000 đồng, đã được giải ngân vào ngày 20/5/2020. Ông T và bà Th cam kết trong hợp đồng tín dụng về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng định kỳ 06 tháng/lần, ngày 20 của tháng thứ 06 và trả nợ gốc vào ngày 20/5/2021. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc 150.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 16.132.395 đồng; nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả 13.354.343 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 275, 280 và 351 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P tổng số tiền gốc và lãi là 179.486.738 đồng.

[6] Ngoài ra, căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì bị đơn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi chậm trả kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ gốc là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 0404/17/HĐBĐ-170 ngày 22/5/2017, ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản, bao gồm:

Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 35 thuộc tờ bản đồ số 26 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện Ia G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 042829 ngày 09/7/2010 cho ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th.

Xét khi giao kết hợp thế chấp, các bên đều đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao dịch; ý chí điều tự nguyện, không bị ép buộc; mục đích và nội dung của hợp đồng thế chấp nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hợp đồng được chứng thực và đăng ký thế chấp tại Cơ quan có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực. Kết quả xem xét, thẩm định xác định, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã thế chấp thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp, không phát sinh tranh chấp với người khác. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc trong trường hợp ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 3.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.974.337 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

1. Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*); tiền lãi trong hạn là 16.132.395 đồng (*Mười sáu triệu một*

trăm ba mươi hai ngàn ba trăm chín mươi lăm đồng); tiền lãi quá hạn là 12.075.719 đồng (Mười hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm mười chín đồng); lãi chậm trả là 1.278.624 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng). Tổng cộng, ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 179.486.738 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm ba mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th không trả được các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, các tài sản được quyền yêu cầu xử lý, gồm:

Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 35 thuộc tờ bản đồ số 26 tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện Ia G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 042829 ngày 09/7/2010 cho ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Vũ Văn T, bà Phạm Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.974.337 đồng (*Tám triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi bảy đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.137.512 đồng (*Bốn triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm mười hai đồng*). Theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011995, ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/11/2021). Bị đơn có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Vũ